

## BÀI 26: THỰC HÀNH QUAN SÁT VI KHUẨN

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

### I. Mục tiêu

#### Về kiến thức:

Quan sát và vẽ được hình ảnh vi khuẩn.

Nhận biết được một số loại vi khuẩn khác từ tiêu bản mẫu

### II. Tiến trình dạy học

#### Chuẩn bị:

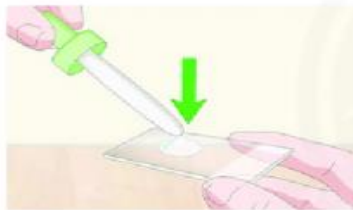
**Dụng cụ:** Kính hiển vi, lam kính, lamén, pipette, giấy lọc.

**Mẫu vật:** Nước dưa muối/ nước cà muối. Tiêu bản mẫu.

#### Hoạt động 1: Thực hành quan sát vi khuẩn

- HS đọc các bước tiến hành thí nghiệm trong SGK trang 117
- GV lưu ý một số thao tác khi thực hành: không lấy quá nhiều nước dưa muối (chỉ lấy một giọt).
- Khi đẩy lamén cần đẩy từ trái qua phải sao cho không có bọt khí.
- Nhỏ methylene từ từ vào cạnh góc lamén.

<https://www.youtube.com/watch?v=nBoGRIFd9Os&t=400s>



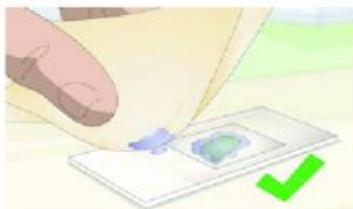
Bước 2. Dùng pipette lấy 1 giọt nước dưa, nước cà muối cho lên lam kính.



Bước 3. Đẩy lamén lên giọt nước dưa, nước cà muối.



Bước 4. Nhỏ 1 giọt xanh methylene vào cạnh góc lamén sao cho hoà lẫn với giọt nước dưa, nước cà muối.



Bước 5. Dùng giấy thấm nước thừa tràn ra ngoài lam kính.

Bước 6. Quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi với vật kính có số bội giác 10x, 40x.



▲ Hình 33.1. Các bước làm và quan sát tiêu bản vi khuẩn lactic

#### Hoạt động 2: Hướng dẫn làm sữa chua

##### 1. Chuẩn bị

Nguyên liệu:

- **Sữa chua: 1 hộp (100 g)**

- **Sữa đặc có đường: 1 hộp (380 g)**

- **Nước đun sôi: 500 ml**

- **Nước đun sôi để nguội: 500 ml**

Dụng cụ : cốc thủy tinh, nồi ủ hoặc thùng xốp, đũa, chậu thủy tinh, nhiệt kế.

- HS đọc các bước tiến hành thí nghiệm trong SGK trang 118

- HS tiến hành làm sữa chua theo hướng dẫn.

- GV quan sát và nhắc nhở các em cẩn thận với nước sôi

<https://www.youtube.com/watch?v=AhbSuMLnVCw>

| BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HÀNH: QUAN SÁT VI KHUẨN – LÀM SỮA CHUA     |   |   |
|---|---|---|
| Tiết:..... Thứ ..... ngày .....tháng ..... năm 20...            |   |   |
| Nhóm ..... Lớp: .....   |   |   |
| Họ và tên HS: .....   |   |   |
| Mục tiêu  | Nội dung  | Kết quả   |
| 1. Vẽ và mô tả được hình dạng vi khuẩn lactic có trong tiêu bản | Quan sát vi khuẩn lactic có trong nước dưa muối                                   | Vẽ hình vi khuẩn lactic<br>Mô tả hình dạng:   |
| 2. Làm sữa chua   | - Nêu các bước làm sữa chua<br>- Thực hành làm sữa chua                           | - Các bước làm sữa chua:<br>.....<br>.....<br>- Đánh giá kết quả sữa chua thu được: ..... |
| 3.Trả lời câu hỏi   | Nếu không có sữa chua mỗi thì quá trình làm sữa chua có thành công không? Vì sao? | Trả lời:<br>.....<br>.....<br>.....   |
|   | Vì sao chúng ta phải bảo quản sữa chua trong ngăn mát của tủ lạnh?                |   |

**Bài 27: NGUYÊN SINH VẬT**

Thời gian thực hiện: (5 tiết)

## I. Mục tiêu

### Về kiến thức:

- Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).
- Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.
- Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.
- Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.

## II. Tiến trình dạy học

### Hoạt động 1: NGUYÊN SINH VẬT LÀ GÌ?

#### Tìm hiểu hình dạng và đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật

HS quan sát hình 27.1 sgk

-HS nhận xét hình dạng của các nguyên sinh vật?

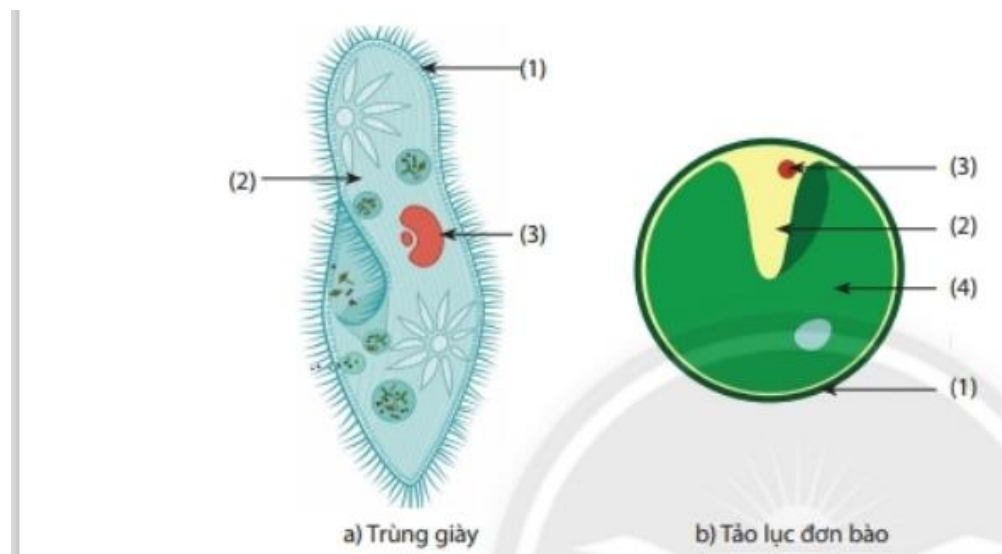
.....

- Nêu những môi trường mà nguyên sinh vật có thể sống và cho ví dụ?

.....

Giáo viên bổ sung một số môi trường khác của nguyên sinh vật: kí sinh trong cơ thể người hoặc động vật, ví dụ: trùng sốt rét sống trong máu người,...

HS quan sát hình 27.2 sgk



- HS gọi tên các thành phần cấu tạo được đánh số từ 1- 4

.....  
- Từ đó nhận xét về tổ chức cơ thể (đơn bào/ đa bào) của nguyên sinh vật. Giải thích vì sao?

.....  
- Học sinh dựa vào cấu tạo tế bào đã được học ở bài 17 để xác định các thành phần của tạo của 2 loài nguyên sinh vật.

- Giáo viên: Cho học sinh quan sát lại các loài nguyên sinh vật và hình 27.2, cho biết những nguyên sinh vật nào có khả năng quang hợp? Giải thích?

.....  
- Nguyên sinh vật là gì ?.....

HS đọc thêm thông tin sgk/120

### **1. NGUYÊN SINH VẬT LÀ GÌ?**

- Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước hiển vi.

- Đa số cơ thể chỉ gồm một tế bào nhưng đảm nhận được đầy đủ các chức năng của một cơ thể sống.

- Một số nguyên sinh vật có khả năng quang hợp như tảo lục, trùng roi,...

- Nguyên sinh vật đa dạng về hình dạng ( hình cầu, hình thoi, hình giày,...), một số có hình dạng không ổn định ( trùng biến hình).

### **Hoạt động 2: BỆNH DO NGUYÊN SINH VẬT GÂY NÊN**

**Tìm hiểu về một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên**

HS quan sát hình 27.3a,27.3b sgk



▲ Hình 27.3a. Muỗi Anopheles



▲ Hình 27.3b. Biểu hiện của người bị bệnh sốt rét

HS hoàn thành bảng

| Tên bệnh     | Nguyên nhân | Biểu hiện | Biện pháp |
|--------------|-------------|-----------|-----------|
| Bệnh sốt rét |             |           |           |

- Nguyên nhân gây ra bệnh sốt rét ?.....
- Biểu hiện của bệnh sốt rét ?.....
- Đề ra một số biện pháp để phòng chống bệnh sốt rét?.....
- Diệt muỗi có phải là biện pháp duy nhất phòng chống bệnh sốt rét không? Vì sao?.....

HS quan sát hình 27.4a,27.4b sgk



▲ Hình 27.4a. Trùng kiết lị  
– Entamoeba histolytica

▲ Hình 27.4b. Biểu hiện của người bị bệnh kiết lị

HS hoàn thành bảng

| Tên bệnh     | Nguyên nhân | Biểu hiện | Biện pháp |
|--------------|-------------|-----------|-----------|
| Bệnh kiết lị |             |           |           |

- Nguyên nhân gây ra bệnh kiết lị ?.....
- Biểu hiện của bệnh kiết lị ?.....
- Đề ra một số biện pháp để phòng chống bệnh kiết lị?.....

HS đọc thêm thông tin sgk/121

**Tìm hiểu một số biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên**

HS quan sát hình 27.5

Quan sát hình 27.5, kết hợp với thông tin thực tế, em hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra? .....

Những lợi ích của nguyên sinh vật? Cho ví dụ.....

Tại sao chúng ta cần nấu chín thức ăn, đun sôi nước uống, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dụng?.....

## **2. BỆNH DO NGUYÊN SINH VẬT GÂY NÊN**

Nguyên sinh vật là nguyên nhân gây ra một số bệnh ở người và động vật.

Một số biện pháp phòng chống các bệnh do nguyên sinh vật gây nên:

- Tiêu diệt côn trùng trung gian gây bệnh: muỗi, bọ gậy,...
- Vệ sinh an toàn thực phẩm: ăn chín, uống sôi; rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; bảo quản thức ăn đúng cách.
- Vệ sinh môi trường xung quanh sạch sẽ, tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

## **III.NỘI DUNG GHI BÀI**

### **Bài 27: NGUYÊN SINH VẬT**

#### **1.NGUYÊN SINH VẬT LÀ GÌ?**

- Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước hiển vi.
- Đa số cơ thể chỉ gồm một tế bào nhưng đảm nhận được đầy đủ các chức năng của một cơ thể sống.
- Một số nguyên sinh vật có khả năng quang hợp như tảo lục, trùng roi,...
- Nguyên sinh vật đa dạng về hình dạng ( hình cầu, hình thoi, hình giày,...), một số có hình dạng không ổn định ( trùng biến hình).

#### **2. BỆNH DO NGUYÊN SINH VẬT GÂY NÊN**

Nguyên sinh vật là nguyên nhân gây ra một số bệnh ở người và động vật.

Một số biện pháp phòng chống các bệnh do nguyên sinh vật gây nên:

- Tiêu diệt côn trùng trung gian gây bệnh: muỗi, bọ gậy,...
- Vệ sinh an toàn thực phẩm: ăn chín, uống sôi; rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; bảo quản thức ăn đúng cách.
- Vệ sinh môi trường xung quanh sạch sẽ, tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

## **IV.BÀI TẬP**

### **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**

Bài 1: Sử dụng các từ gợi ý: sinh vật, đơn bào, đa bào, tự dưỡng, dị dưỡng, nhân thực, nguyên sinh, tế bào, phân bố để hoàn thành đoạn thông tin sau:  
 Nguyên sinh vật có cơ thể cấu tạo chỉ gồm một (1)..... Chúng xuất hiện sớm nhất trên hành tinh của chúng ta. Nguyên sinh vật (2).....ở khắp nơi: trong đất, trong nước, trong không khí và đặc biệt là trên cơ thể (3).....khác.  
 Nguyên sinh vật thuộc Giới (4).....là những sinh vật (5)....., đơn bào, sống (6).....

Tảo thuộc Giới Nguyên sinh là những sinh vật nhân thực (7).....hoặc (8)..... sống (9).....

Bài 2: Hoàn thành bảng sau:

| STT | Vai trò thực tiễn             | Tên sinh vật |
|-----|-------------------------------|--------------|
| 1   | Làm thức ăn cho động vật khác |              |
| 2   | Gây bệnh cho người            |              |
| 3   | Có ý nghĩa bảo vệ môi trường  |              |

### Dự kiến câu trả lời:

Bài 1: 1- tế bào 2- phân bố 3- sinh vật 4- nguyên sinh 5- nhân thực  
 6- dị dưỡng 7- đơn bào 8- đa bào 9- tự dưỡng

Bài 2:

| STT | Vai trò thực tiễn             | Tên sinh vật                             |
|-----|-------------------------------|--|
| 1   | Làm thức ăn cho động vật khác | Trùng giày, trùng roi, trùng biến hình   |
| 2   | Gây bệnh cho người            | Trùng kiết lị, trùng sốt rét, trùng Amip |
| 3   | Có ý nghĩa bảo vệ môi trường  | Trùng lỗ                                 |

## CÂU HỎI ÔN TẬP KHTN 6 HKI 2021-2022

### I. TRẮC NGHIỆM.

**Câu 1: Thế nào là vật liệu?**

A. Vật liệu là một số thức ăn được con người sử dụng hàng ngày.

B. Vật liệu là một chất được dùng trong xây dựng như sắt, cát, xi măng,...

**C. Vật liệu là một chất hoặc hỗn hợp một số chất được con người sử dụng như là**

nguyên liệu đầu vào trong một quá trình sản xuất hoặc chế tạo ra những sản phẩm phục vụ cuộc sống.

D. Vật liệu là gồm nhiều chất trộn lẫn vào nhau.

**Câu 2: Thế nào là nhiên liệu?**

A. Nhiên liệu là một số chất hoặc hỗn hợp chất được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho các quá trình sản xuất hoặc chế tạo.

B. Nhiên liệu là những chất được oxi hoá để cung cấp năng lượng cho hoạt động của cơ thể sống.

C. Nhiên liệu là những vật liệu dùng trong quá trình xây dựng.

**D. Nhiên liệu là những chất cháy được dùng để cung cấp năng lượng dạng nhiệt hoặc ánh sáng nhằm phục vụ mục đích sử dụng của con người**

**Câu 3. Biện pháp không đảm bảo an toàn thực phẩm:**

A. Rau, quả, thịt, cá.. phải mua tươi hoặc ướp lạnh.

B. Thực phẩm đóng hộp phải chú ý hạn sử dụng.

C. Tránh để lẫn lộn thực phẩm sống với thực phẩm cần nấu chín.

**D. Dùng nước bẩn để sơ chế và chế biến món ăn.**

**Câu 4. Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?**

**A. Thịt.**

B. Gạo.

C. Rau xanh.

D. Gạo và rau xanh.

**Câu 5. Vitamin tốt cho mắt là:**

**A. Vitamin A.**

B. Vitamin D

C. Vitamin K.

D. Vitamin B

**Câu 6 : Mô hình 3R có nghĩa là gì?**

A. Sử dụng vật liệu có hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.

**B. Sử dụng vật liệu với mục tiêu giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng.**

C. Sử dụng các vật liệu ít gây ô nhiễm môi trường.

D. Sử dụng vật liệu chất lượng cao, mẫu mã đẹp, hình thức phù hợp.

**Câu 7. Thực phẩm để lâu ngoài không khí sẽ bị gì?**

A. Không biến đổi màu sắc.

B. Giá trị dinh dưỡng vẫn đảm bảo.

C. Mùi vị không thay đổi.

**D. Biến đổi màu sắc, mùi vị, giá trị dinh dưỡng.**

**Câu 8. Gạo sẽ cung cấp chất dinh dưỡng nào nhiều nhất cho cơ thể?**

A. Vitamin.

B. Protein (chất đạm).

C. Lipit (chất béo).

**D. Carbohydrate (chất đường, bột).**

**Câu 9: Nhiên liệu nào sau đây không phải nhiên liệu hoá thạch?**

A. Than đá

B. Dầu mỏ.

C. Khí tự nhiên.

**D. Ethanol.**

**Câu 10: Vật thể nào sau đây được xem là nguyên liệu?**

A. Gạch xây dựng. **B. Đất sét.** C. Xi măng. D. Ngói.

**Câu 11: Khi dùng gỗ để sản xuất giấy thì người ta sẽ gọi gỗ là**

A. vật liệu. **B. nguyên liệu,** C. nhiên liệu. D. phế liệu.

**Câu 12: Người ta khai thác than đá để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện sản xuất điện. Lúc này, than đá được gọi là**

A. vật liệu. **B. nhiên liệu.** C. nguyên liệu. D. vật liệu hoặc nguyên liệu.

**Câu 13: Loại nguyên liệu nào sau đây hầu như không thể tái sinh?**

A. Gỗ. B. Bông. **C. Dầu thô.** D. Nông sản.

**Câu 14: Cây trồng nào sau đây không được xem là cây lương thực?**

A. Lúa gạo. B. Ngô. **C. Mía.** D. Lúa mì.

**Câu 15: Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều lipid (chất béo) nhất?**

A. Gạo. B. Rau xanh. **C. Thịt.** D. Gạo và rau xanh.

**Câu 16: Vật liệu nào sau đây không thể tái chế?**

A. Thủy tinh. B. Thép xây dựng. C. Nhựa composite. **D. Xi măng.**

**Câu 17: Hiện tượng ngộ độc thực phẩm tập thể ngày càng nhiều, Trong đó, có không ít vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trong trường học. Làm thế nào để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm?**

A. Ăn thực phẩm không có nguồn gốc rõ ràng, không còn hạn sử dụng

B. Sử dụng nguồn nước bẩn khi sơ chế và chế biến thức ăn.

**C. Đảm bảo thực phẩm đưa vào chế biến món ăn là thực phẩm sạch, không nhiễm hoá chất độc hại;**

D. Chế biến thực phẩm không đảm bảo vệ sinh.

**Câu 18: Thế nào là phương pháp chiết:**

A. Dùng để tách chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp lỏng.

B. Dùng để tách chất rắn tan (không hoá hơi khi gặp nhiệt độ cao) ra khỏi dung dịch hỗn hợp lỏng

C. Dùng để tách chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp rắn.

**D. Dùng để tách các chất lỏng ra khỏi hỗn hợp lỏng không đồng nhất.**

**Câu 19: Thế nào là phương pháp cô cạn:**

A. Dùng để tách chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp lỏng.

**B. Dùng để tách chất rắn tan (không hoá hơi khi gặp nhiệt độ cao) ra khỏi dung dịch hỗn hợp lỏng**

C. Dùng để tách chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp rắn.

D. Dùng để tách các chất lỏng ra khỏi hỗn hợp lỏng không đồng nhất.

**Câu 20: Thế nào là phương pháp lọc:**

- A. Dùng để tách chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp lỏng.
- B. Dùng để tách chất rắn tan (không hoá hơi khi gặp nhiệt độ cao) ra khỏi dung dịch hỗn hợp lỏng
- C. Dùng để tách chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp rắn.
- D. Dùng để tách các chất lỏng ra khỏi hỗn hợp lỏng không đồng nhất.

**Câu 21: Hỗn hợp là gì?**

- A. Hỗn hợp được tạo ra khi hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau.
- B. Hỗn hợp được tạo ra từ một chất duy nhất
- C. Hỗn hợp được tạo ra khi trộn một chất với nhau nhiều lần
- D. Hỗn hợp được tạo ra khi trộn một chất với nhau một lần

**Câu 22: Thế nào chất tinh khiết?**

- A. là chất được tạo ra từ một chất duy nhất.
- B. là chất được tạo ra từ hai chất.
- C. là chất được tạo ra từ rất nhiều.
- D. là chất được tạo ra từ nhiều chất.

**Câu 23: Tất cả các trường hợp nào sau đây đều là chất?**

- A. Đường mía, muối ăn, con dao.
- B. Nhôm, muối ăn, đường mía.
- C. Con dao, đôi đũa, cái muỗng nhôm.
- D. Con dao, đôi đũa, muối ăn,

**Câu 24: Trường hợp nào sau đây là chất tinh khiết?**

- A. Gỗ
- B. Nước khoáng
- C. Sodium chloride (Muối ăn).
- D. Nước biển.

**Câu 25: Sữa magie (magnesium hydroxide lơ lửng trong nước) được dùng làm thuốc trong y học để chữa bệnh khó tiêu, ợ chua. Sữa magie thuộc loại**

- A. chất tinh khiết
- B. Huyền phù
- C. Nhũ tương
- D. Dung môi

**Câu 26. Chức năng của màng tế bào là gì?**

- A. chứa vật chất di truyền, điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.
- B. bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào, đi ra khỏi tế bào.
- C. chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.
- D. tham gia vào quá trình quang hợp của tế bào.

**Câu 27. Thành phần nào có chức năng điều khiển hoạt động của tế bào?**

- A. Nhân.
- B. Tế bào chất.
- C. Màng tế bào.
- D. Lục lạp.

**Câu 28. Thành phần chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào là:**

- A. nhân.
- B. chất tế bào.
- C. màng tế bào.
- D. lục lạp.

**Câu 29. Hình dạng của tế bào**

- A. Hình cầu, hình thoi.
- B. Hình đĩa, hình sợi.
- C. Hình sao, hình trụ.
- D. Nhiều hình dạng.

**Câu 30. Đặc điểm của tế bào nhân thực là**

- A. có thành tế bào. **B. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.**  
C. có chất tế bào. D. có lục lạp.

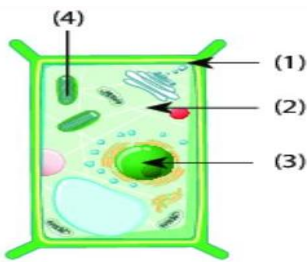
**Câu 31. Khi một tế bào lớn lên và sinh sản 1 lần sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?**

- A.8 B.6 C. 4 **D.2.**

**Câu 32. Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?**

- A Xe ô tô. B. Cây cầu. **C. Cây bạch đàn.** D. Ngôi nhà.

**Câu 33. Quan sát cấu tạo tế bào thực vật trong hình bên và trả lời các câu hỏi sau:**



Thành phần nào là màng tế bào?

- A. (1) B. (2) C. (3) D. (4)

Câu 34: Thành phần nào có chức năng điều khiển hoạt động của tế bào?

- A. (1) **B. (2)** C. (3) D. (4)

Câu 35. Một Tế bào sau khi phân chia (sinh sản) sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

- A. 2** B. 1 C.4 D. 8

**Câu 36. Cho các diễn biến sau:**

- Hình thành vách ngăn giữa các tế bào con.
- Phân chia chất tế bào.
- Phân chia nhân

Sự phân chia tế bào thực vật diễn ra theo trình tự sớm muộn như thế nào?

- A. **3 – 2 – 1** B. 2 – 3 – 1 C. 1 – 2 – 3 D. 3 – 1 – 2

**Câu 37. Một Tế bào mô phân sinh ở thực vật tiến hành phân chia liên tiếp 4 lần.**

Hỏi sau quá trình này, số tế bào con được tạo thành là bao nhiêu?

- A. 32 B. 4 C.8 **D. 16**

**Câu 38: Một Tế bào mô phân sinh ở thực vật tiến hành phân chia liên tiếp 5 lần.**

Hỏi sau quá trình này, số tế bào con được tạo thành là bao nhiêu?

- A. 32** B. 4 C.8 D. 16

**Câu 39. Một Tế bào mô phân sinh ở thực vật tiến hành phân chia liên tiếp 6 lần.**

Hỏi sau quá trình này, số tế bào con được tạo thành là bao nhiêu?

- A. 32 **B. 64** C.8 D. 16

**Câu 40. Một Tế bào mô phân sinh ở thực vật tiến hành phân chia liên tiếp 3 lần.**

Hỏi sau quá trình này, số tế bào con được tạo thành là bao nhiêu?

- A. 32 B. 4 **C.8** D. 16

**Câu 41: Cơ thể nào sau đây là đơn bào?**

A. Con chó. **B. Trùng biến hình.** C. Con ốc sên. D. Con cua.

**Câu 42: Vật sống nào sau đây không có cấu tạo cơ thể là đa bào?**

A. Hoa hồng. B. Hoa mai. C. Hoa hướng dương. **D. Tảo lục.**

**Câu 43: Con cá vàng là cấp độ tổ chức nào của cơ thể đa bào?**

A. Tế bào **B. Cơ thể** C. Cơ quan D. Mô

**Câu 44: Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm?**

A. Hệ rễ và hệ thân B. Hệ thân và hệ lá

**C. Hệ chồi và hệ rễ** D. Hệ cơ và hệ thân

**Câu 45: Cơ quan nào sau đây thuộc hệ thần kinh ở người?**

A. Tim B. Phổi **C. Não** D. Dạ dày

**Câu 46. Điều gì xảy ra với dạ dày nếu quá trình thay thế các tế bào không diễn ra?**

A. Dạ dày vẫn hoạt động bình thường B. Dạ dày hoạt động tốt hơn

C. Thành dạ dày trở nên mỏng hơn **D. Dạ dày bị ăn mòn đến viêm loét**

**Chủ đề 8: đa dạng thế giới sống**

**Câu 47. Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào sau đây?**

**A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới**

B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới,

C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài.

D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới.

**Câu 48. Các bậc phân loại sinh vật từ cao đến thấp theo trình tự nào sau đây?**

A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới,

**C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài.**

D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới.

**Câu 49: Tên khoa học của loài người là: *Homo sapiens* Linnaeus, 1758. Hãy xác định tên tác giả tìm ra loài người:**

A. Homo B. *Sapiens* C. **Linnaeus** D. Bloch

**Câu 50: Tên khoa học của cây lúa là: *Oryza sativa* Linnaeus, 1758. Hãy xác định tên loài của cây lúa.**

A. **Oryza** B. **sativa** C. Linnaeus D. Bloch

## **II. TỰ LUẬN**

**Câu 1: Bận Hà có một hỗn hợp gồm cát và muối. Em hãy đề xuất cách tách riêng từng chất ra khỏi hỗn hợp.**

- Đầu tiên, cho nước vào hỗn hợp sau đó khuấy đều cho muối tan ra ( chỉ tương đối hoà tan với nước)

- Còn cát là chất rắn nên không tan ra được trong nước suy ra cát đọng lại trong cốc. Đổ muối đã hoà tan với nước qua giấy lọc, trên giấy lọc thu được cát

- Cô cạn dung dịch muối ăn thu được muối ăn nguyên chất ở dạng rắn.

**Câu 2: Em hãy sắp xếp các bước tách riêng hỗn hợp gồm bột sắt, đồng và muối ăn.**

- Dùng nam châm để hút riêng bột sắt ra khỏi hỗn hợp (bột sắt bị nam châm hút).

- Hoà tan hỗn hợp còn lại vào nước rồi cho qua phễu lọc. Đồng không tan trong nước nên nằm trên phễu lọc.

- Cô cạn dung dịch muối ăn thu được muối ăn nguyên chất ở dạng rắn.

**Câu 3: Nêu trình tự sắp xếp các cấp tổ chức của cơ thể đa bào theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là? Đơn vị cấu tạo và chức năng cơ bản của mọi cơ thể sống là gì?**

- Tế bào → mô → cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể

- Đơn vị cấu tạo và chức năng cơ bản của mọi cơ thể sống là: tế bào

**Câu 4: nêu trình tự sắp xếp các cấp tổ chức của cơ thể đa bào theo thứ tự từ lớn đến nhỏ là?**

- Cơ thể → hệ cơ quan → cơ quan → mô → Tế bào

**Câu 5: Em hãy xây dựng khóa lưỡng phân cho năm sinh vật sau: *Vi khuẩn Ecoli*, hoa sen, con mèo, trùng đế giày, *tảo si líc*.**

**Câu 6: Em hãy xây dựng khóa lưỡng phân cho năm sinh vật sau: *Vi khuẩn lao*, con thỏ, *Tảo tiêu cầu*, cây hoa hồng, trùng roi.**